TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 3 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán căn hộ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Cư.

2. Bà Hoàng Ngọc Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 171/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc *"tranh chấp hợp đồng mua bán căn hộ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ K, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Khu dân cư T, xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

2. Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ X.

Địa chỉ: Căn hộ A, đường P, Phường N, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh T (Giấy ủy quyền số 18/2023/GUQ-TB ngày 12/12/2023). *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV A

Địa chỉ: Đường P, Phường N, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn L (Giấy ủy quyền số 916/GUQ-DVCI ngày 13/12/2023). *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Vũ K trình bày:

Vào năm 2017, ông là bên mua cùng bên bán là Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X đã ký kết 05 hợp đồng mua bán căn hộ, cụ thể như sau:

STT	Mã căn/HĐMB/An Sinh/ASALIGHT	Ngày ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Ngày bàn giao
1	C-03-16	10/05/2017	1.408.021.025	30/06/2018
2	C-14-15	10/05/2017	1.214.521.197	30/06/2018
3	A-5-2	10/05/2017	1.284.757.970	30/09/2018
4	A-5-3	10/05/2017	1.336.627.047	30/09/2018
5	B-01-03	29/06/2017	1.4165.422.100	31/12/2018

Do Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X không thực hiện đúng hợp đồng, công trình bị ngưng thi công nên ngày 31/01/2019 giữa hai bên đã ký 05 biên bản thanh lý hợp đồng, cụ thể như sau:

Số BBTLHĐ	Số tiền phải trả	Đợt 1: 20% 30/4/2019	Đợt 2: 30% 31/05/2019	Đợt 3: 50% 30/6/2029
A-5-2/An Sinh /BBTL/TB/2019	334.035.000	66.807.000	100.210.500	167.017.500
A-5-3/An Sinh/ /BBTL/TB/2019	347.529 000	69.505 800	104.258.700	173.764.500
C-3-16/An Sinh /BBTL/TB/2019	366.080.000	73.216.000	109.824.000	183.040.000
C-14-15/An Sinh /BBTL/TB/2019	315.770.000	63.154.000	94.731.000	157.885.000
B-1-3/An Sinh /BBTL/TB/2019	368.264.000	73.652.800	110.479.200	184.132.000
Tổng cộng	**1.731.678.000**	**346.335.600**	**519.503.400**	**865.839.000**

Tổng số tiền phải trả của 05 hợp đồng sau khi ký biên bản thanh lý là 1.731.678.000 đồng (Một tỷ bảy trăm ba mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi tám

ngàn đồng). Thỏa thuận thời gian hoàn trả như sau:

- Đợt 1: 20 % trước ngày 30/04/2019 = 346.335.600 đồng

- Đợt 2: 30% trước ngày 31/05/2019 = 519.503.400 đồng

- Đợt 3: 50% trước ngày 30/06/2019 = 865.839.000 đồng

Tuy nhiên, từ lúc ký hợp đồng thanh lý ngày 31/01/2019 cho tới nay Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X mới thực hiện trả tiền cho ông 02 lần gồm:

Lần 1: Ngày 04/02/2021: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

Lần 2: Ngày 08/07/2021: 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng)

Tổng cộng số tiền đã trả là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Từ ngày 09/07/2021 đến nay Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X không trả thêm lần nào nữa.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8 buộc Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X hoàn trả cho ông số tiền cụ thể như sau:

+ Nợ gốc số tiền là 1.441.678.000 đồng.

+ Nợ lãi theo mức lãi suất 18%/năm (thỏa thuận tại Mục 3 của các biên bản thanh lý) tạm tính từ ngày 01/05/2019 đến nay 31/12/2023 = 1.283.080.960 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X phải trả cho ông tạm tính đến ngày 31/12/2023 tính tròn là: 2.724.758.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ X có ông Lê Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X có ký Hợp đồng mua bán căn hộ số A-5-2/HĐMB/ANSINH ngày 20/05/2017, Hợp đồng mua bán số A-5-3/HĐMB/ANSINH ngày 20/05/2017, Hợp đồng mua bán căn hộ số B-01-03/HĐMB/ANSINH ngày 29/06/2017, Hợp đồng mua bán căn hộ số C-3-16/HĐMB/ANSINH ngày 10/05/2017 và Hợp đồng mua bán căn hộ số C-14-15/HĐMB/ANSINH ngày 10/05/2017 với khách hàng Vũ K.

Sau đó do vướng mắc trong quá trình triển khai dự án, Công ty và khách hàng cũng đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số A-5-2/ANSINH/BBTL/TB/2019 ngày 31/01/2019, Biên bản thanh lý hợp đồng số A-5-3/ANSINH/BBLT/TB/2019 ngày 31/01/2019, Biên bản thanh lý hợp đồng số B-1-3/ANSINH/BBLT/TB/2019 ngày 31/01/2019, Biên bản thanh lý hợp đồng số C-3-16/ANSINH/BBTL/TB/2019 ngày 31/01/2019 và Biên bản thanh lý hợp

đồng số C-14-15/ANSINH/BBTL/TB/2019 ngày 31/01/2019.

Công ty đã thu của khách hàng số tiền là 1.249.760.000 đồng, đã hoàn trả cho khách hàng số tiền là 290.000.000 đồng. Nên số tiền hiện nay Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X còn giữ của khách hàng là 1.042.060.000 đồng, chi tiết như bảng sau:

STT	Mã căn hộ	Số tiền		
		X đã thu	X đã trả	X còn giữ
1	Căn hộ A-5-2	256,950,000	70,000,000	186,950,000
2	Căn hộ A-5-3	267,330,000	70,000,000	197,330,000
3	Căn hộ B-l-3	283,280,000	40,000,000	243,280,000
4	Căn hộ C-3-16	281,600,000	40,000,000	241,600,000
5	Căn hộ C-14-15	242,900,000	70,000,000	172,900,000
	Tổng cộng	**1,332,060,000**	**290,000,000**	**1,042,060,000**

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên Công ty gặp nhiều khó khăn về tài chính vì vậy Công ty đề nghị quý khách hàng hỗ trợ bỏ phần lãi phạt 30%, cũng như lãi phạt chậm trả theo biên bản thanh lý. Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X sẽ cố gắng thu xếp nguồn tiền để trả cho ông Vũ K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV A có ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trong vụ án này, Công ty TNHH MTV A không liên quan, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ K và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Công ty TNHH MTV A không liên quan gì đến việc thoả thuận và ký kết hợp đồng mua bán căn hộ giữa ông Vũ K và Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ X. Đây là quan hệ riêng giữa ông Vũ K và Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ X nên dây tranh chấp riêng giữa ông Vũ K và Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ X. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận không liên quan, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị giải quyết buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc chưa hoàn trả theo các Biên bản thanh lý là 1.441.678.000 đồng, số tiền nợ lãi theo mức lãi suất 18%/năm tạm tính từ ngày 01/05/2019 đến ngày 29/3/2024 = 1.347.235.631

đồng theo bảng tính lãi chi tiết như sau:

Từ ngày	Đến ngày	Số tiền tính lãi	Số ngày chậm trả	Số tiền lãi
01/05/2019	30/05/2019	346.335.600 đồng	30	5.195.034 đồng
01/06/2019	30/06/2019	865.839.000 đồng	30	12.987.585 đồng
01/07/2019	04/02/2021	1.731.678.000 đồng	574	496.991.586 đồng
05/02/2021	08/07/2021	1.631.678.000 đồng (trả 100.000.000 đồng)	154	125.639.206 đồng
09/7/2021	31/12/2023 (tạm tính)	1.441.678.000 đồng (trả 190.000.000 đồng)	891	642.267.549 đồng
01/01/2024	29/03/2024	1.441.678.000	89	64.154.671 đồng
			Tổng cộng	1.347.235.631 đồng

Tổng cộng số tiền là 2.788.913.631 đồng. Yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi từ ngày 30/3/2024 đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Biên bản thanh lý hợp đồng là 18%/năm.

- Bị đơn là Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X có ông Lê Minh T là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị ông Vũ K hỗ trợ bỏ phần lãi phạt 30%, cũng như lãi phạt chậm trả theo biên bản thanh lý, Công ty sẽ cố gắng thu xếp nguồn tiền để trả cho ông Vũ K, đồng thời bị đơn xác định nghĩa vụ thanh toán thuộc về bị đơn mà không liên quan đến Công ty TNHH MTV A, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 8 không xem xét quyền, nghĩa vụ liên quan của Công ty TNHH MTV A.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV A có ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách đương sự; Thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt văn bản tố tụng; Thu thập chứng cứ đúng theo quy định; Tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự; Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng

xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định; các bên đương sự có đơn đề nghị nên HĐXX đã tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Vũ K thì đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán căn hộ. Bị đơn là Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X hiện có trụ sở tại Quận 8 và bất động sản tọa lạc tại Quận 8 nên căn cứ theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn là ông Vũ K, bị đơn Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Vũ K đã cùng Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X ký 05 hợp đồng gồm: Hợp đồng mua bán căn hộ số A-5-2/HĐMB/ANSINH ngày 20/05/2017, Hợp đồng mua bán số A-5-3/HĐMB/ANSINH ngày 20/05/2017, Hợp đồng mua bán căn hộ số B-01-03/HĐMB/ANSINH ngày 29/06/2017, Hợp đồng mua bán căn hộ số C-3-16/HĐMB/ANSINH ngày 10/05/2017 và Hợp đồng mua bán căn hộ số C-14-15/HĐMB/ANSINH ngày 10/05/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng các đương sự đã có thỏa thuận chấm dứt việc thực hiện hợp đồng và tiến hành thanh lý hợp đồng theo các Biên bản thanh lý hợp đồng số A-5-2/ANSINH/BBTL/TB/2019 ngày 31/01/2019, Biên bản thanh lý hợp đồng số A-5-3/ANSINH/BBLT/TB/2019 ngày 31/01/2019, Biên bản thanh lý hợp đồng số B-1-3/ANSINH/BBLT/TB/2019 ngày 31/01/2019, Biên bản thanh lý hợp đồng số C-3-16/ANSINH/BBTL/TB/2019 ngày 31/01/2019 và Biên bản thanh lý hợp đồng số C-14-15/ANSINH/BBTL/TB/2019 ngày 31/01/2019.

Việc các đương sự thỏa thuận thanh lý hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 422 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào các biên bản thanh lý hợp đồng này, các đương sự tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường hợp đồng như

sau: Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X đồng ý hoàn trả lại cho ông Vũ K tổng số tiền đã nhận là 1.332.060.000 đồng, bồi thường 30% trên tổng số tiền đã nhận là 399.618.000 đồng, tổng số tiền phải thanh toán là 1.731.678.000 đồng, chia thành 03 đợt lần lượt như sau: đợt 1 trước ngày 30/04/2019 số tiền 346.335.600 đồng, đợt 2 trước ngày 31/05/2019 số tiền 519.503.400 đồng, đợt 3 trước ngày 30/06/2019 số tiền 865.839.000 đồng.

Tính đến nay, Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X mới chỉ thanh toán được tổng số tiền 290.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán theo biên bản thanh lý là 1.441.678.000 đồng, là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ngoài số tiền gốc chưa thanh toán theo biên bản thanh lý, việc Ông Vũ K yêu cầu Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X còn phải trả số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với quy định tại Mục 3 Điều 2 của các Biên bản thanh lý đã ký kết. Thỏa thuận mức lãi suất 18%/năm phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, số tiền lãi tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 1.347.235.631 đồng mà ông Vũ K yêu cầu Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X phải thanh toán là có cơ sở.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Vũ K, yêu cầu Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X phải thanh toán cho Ông Vũ K số tiền gốc chưa thanh toán theo biên bản thanh lý là 1.441.678.000 đồng, số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 1.347.235.631 đồng, tổng cộng là 2.788.913.631 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại các biên bản thanh lý hợp đồng kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Do cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định nghĩa vụ thanh toán thuộc về Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X, không yêu cầu xem xét trách nhiệm của Công ty TNHH MTV A hay bên nào khác nên Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn mà không xác định thêm bên nào khác cùng liên đới chịu trách nhiệm.

[4]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn Ông Vũ K không phải chịu án phí, bị đơn là Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X phải chịu án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 418, Điều 422 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Vũ K.

Buộc Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ K số tiền 1.441.678.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng) và số tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 1.347.235.631 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi mốt đồng, tổng cộng là 2.788.913.631 đồng (Hai tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm mười ba nghìn sáu trăm ba mươi mốt đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 18%/năm (mà các bên thỏa thuận trong các Biên bản thanh lý hợp đồng số số A-5-2/ANSINH/BBTL/TB/2019 ngày 31/01/2019, Biên bản thanh lý hợp đồng số A-5-3/ANSINH/BBLT/TB/2019 ngày 31/01/2019, Biên bản thanh lý hợp đồng số B-1-3/ANSINH/BBLT/TB/2019 ngày 31/01/2019, Biên bản thanh lý hợp đồng số C-3-16/ANSINH/BBTL/TB/2019 ngày 31/01/2019 và Biên bản thanh lý hợp đồng số C-14-15/ANSINH/BBTL/TB/2019 ngày 31/01/2019).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Sản Xuất -Thương mại - Dịch vụ X phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 87.778.279 đồng (Tám mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng).

Ông Vũ K không phải chịu án phí. Ông Vũ K được miễn nộp tạm ứng án phí theo Thông báo số 10/TB-TA này 16/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Quân